

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung Đề án phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào điều kiện thực tế của địa phương; sản xuất hiệu quả, bền vững, đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Yêu cầu

Bám sát nội dung Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với tình hình thực tế địa phương; thực hiện tốt công tác phối hợp thực hiện trên cơ sở phân công nhiệm vụ cụ thể của các cấp, các ngành.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành hàng sản ổn định, hiệu quả, bền vững, giảm thiểu thoái hóa, sạt lở đất; xây dựng liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống dân cư khu vực nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Giảm dần diện tích trồng sản trên đất có độ dốc lớn; tập trung thâm canh bền vững khoảng 4.600 ha sản (Sìn Hồ 1.600 ha, Phong Thổ 1.300 ha, Tân Uyên

500 ha, Than Uyên 500 ha, Nậm Nhùn 500 ha, Mường Tè 200 ha); sản lượng củ tươi đạt trên 55.000 tấn; trong đó, sản lượng sản tươi dùng để chế biến một số sản phẩm (tinh bột, etanol, mỳ chính, thức ăn chăn nuôi,...) chiếm trên 70%.

- Diện tích trồng sản sử dụng giống đúng tiêu chuẩn chất lượng đạt trên 40%.
- Diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững đạt trên 50%.

b) Tầm nhìn đến năm 2050: Ngành hàng sản của tỉnh tiếp tục phát triển bền vững, trên 70% diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững, sản lượng sản tươi dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, etanol, mỳ chính, thức ăn chăn nuôi...) chiếm trên 85%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, chế biến sản để nâng cao nhận thức, hành động.

- Tăng cường tập huấn, chuyển giao kỹ thuật canh tác sản bền vững; chú trọng tập huấn, hướng dẫn quy trình kỹ thuật sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm: VietGAP, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); canh tác sản bền vững, trồng luân canh, xen canh...

2. Tổ chức sản xuất

Rà soát diện tích trồng sản, giảm các diện tích canh tác không ổn định, diện tích canh tác trên đất có độ dốc lớn (trên 25⁰); xác định vùng sản xuất sản tập trung, ổn định, quy mô lớn để đầu tư thâm canh, tăng năng suất; kết hợp trồng xen các loại đậu, lạc... nhằm tăng thêm nguồn thu nhập, bảo vệ đất, chống xói mòn; thu hút doanh nghiệp đầu tư, thúc đẩy hình thành chuỗi liên kết với hộ gia đình trồng sản xây dựng vùng nguyên liệu, cung ứng vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...), chuyển giao khoa học công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

3. Ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ

- Nhân rộng và hoàn thiện hệ thống nhân giống sản theo 3 cấp (giống gốc/giống đầu dòng, giống cấp 1, giống cấp 2), sử dụng giống sạch bệnh, giống mới có năng suất, chất lượng cao tại các địa phương để từng bước nâng cao tỷ lệ sử dụng giống sản đúng tiêu chuẩn chất lượng.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: Sử dụng các giống sản có năng suất, chất lượng, có khả năng chống chịu với sinh vật gây hại như: khảm lá sản, chổi rồng, thối củ...; áp dụng đồng bộ kỹ thuật canh tác bền vững: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); trồng xen canh, luân canh sản với các cây họ đậu (lạc, đậu tương,...); tăng cường sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh nhằm cải tạo đất... giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng.

- Ứng dụng cơ giới hoá trong các khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển sản,... áp dụng công nghệ mới trong chế biến, đa dạng hoá các sản phẩm từ sản để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.

4. Thị trường tiêu thụ

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư các nhà máy chế biến các sản phẩm từ sản như: thức ăn chăn nuôi, mỳ ăn liền, bánh kẹo,... nhằm tăng chuỗi giá trị ngành hàng sản.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm sản nắm bắt thông tin thị trường, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia các nền tảng thương mại điện tử, quảng bá, giới thiệu kết nối mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

5. Cơ chế chính sách và nguồn lực

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ của trung ương, của tỉnh; lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, chế biến, bảo quản và phát triển thị trường.

- Thực hiện các giải pháp đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất ngành hàng sản theo hướng xã hội hóa. Các hộ gia đình đầu tư trang thiết bị, ứng dụng cơ giới hoá trong quá trình canh tác, vận chuyển sản; doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ sản,... Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất sản theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ: nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; hạ tầng vùng sản xuất; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sản,...

6. Về hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế để tranh thủ thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, chuyển giao công nghệ về giống, đặc biệt các

giống có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với một số sâu bệnh hại như khảm lá sắn, rệp hồng...; xây dựng các quy trình kỹ thuật sản xuất sắn bền vững; chuyển giao công nghệ, thiết bị sản xuất, chế biến sắn; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm từ sắn,...

7. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Tăng cường sự lãnh chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, tập trung rà soát, xác định rõ các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn để chỉ đạo cụ thể hóa bằng các kế hoạch, chương trình, dự án theo chuỗi giá trị, nâng cao năng suất, chất lượng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động buôn bán vật tư đầu vào, đặc biệt là nguồn hom giống, thuốc bảo vệ thực vật...; việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến trên địa bàn; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở không đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của địa phương, rà soát diện tích trồng sắn, giảm các diện tích canh tác không ổn định, diện tích canh tác trên đất có độ dốc lớn (trên 25⁰); xác định vùng sản xuất sắn tập trung, ổn định, quy mô lớn để đầu tư thâm canh, tăng năng suất; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển bền vững ngành hàng sắn tại địa phương, lồng ghép vào các chương trình, dự án để tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Vận động nhân dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sắn trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp... tham gia đầu tư phát triển chế biến sắn tại địa phương.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật canh tác sắn bền vững trên đất dốc, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến; kết hợp trồng xen các loại cây họ đậu,... nhằm tăng thêm nguồn thu nhập; luân canh cây trồng để phục hồi, bảo vệ đất, chống xói mòn; thu hút doanh nghiệp đầu tư, thúc đẩy hình thành chuỗi liên kết với hộ gia đình trồng sắn xây dựng vùng nguyên liệu, cung ứng vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...), chuyển giao khoa học công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch gửi Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, hướng dẫn các huyện, thành phố kỹ thuật canh tác sản bền vững trên đất dốc; thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại trên cây sản; triển khai thực hiện chương trình Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp; thực hiện tốt công tác kiểm dịch thực vật đối với giống sản nhập nội và kiểm dịch thực vật nội địa.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền, tập huấn quy trình kỹ thuật canh tác sản bền vững đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị mới tiên tiến trong trồng, chăm sóc, chế biến nguyên liệu sản trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn đề xuất đặt hàng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển ngành hàng sản của tỉnh.

4. Sở Công Thương

- Triển khai các hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại, thương mại điện tử nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm sản ứng dụng máy móc hiện đại vào sản xuất, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, cải tiến mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm; tham gia các hoạt động giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước, xuất khẩu và trên các sàn thương mại điện tử; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm sản trên không gian số.

- Chủ động nắm bắt thông tin về thị trường, tiêu chuẩn chất lượng đối với sản phẩm sản của thị trường trong nước và các nước nhập khẩu để phổ biến, thông tin đến các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn có kế hoạch sản xuất, kinh doanh gắn với thị trường tiêu thụ

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hút đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án chế biến sâu, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao.

6. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các chương trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn tỉnh để thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh, các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: V1, V3, Kt1;
- Lưu: VT, Kt9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải